

Bản án số: 503/2020/HC-PT

Ngày: 09-9-2020

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành
chính về bồi thường, hỗ trợ và tái
định cư*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng

Ông Trần Xuân Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đ Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại
Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 295/2020/TLPT-
HC ngày 04/5/2020 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính về bồi thường, hỗ
trợ và tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 1960/2019/HC-ST ngày 30/12/2019 của
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 572/2020/QĐPT-HC ngày 19 tháng
8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Huỳnh Đ, sinh năm 1954

Cư trú: Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1981 (Có mặt),
Văn bản ủy quyền ngày 21/10/2019

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: Tỉnh lộ 8, thị trấn C, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền : Ông Nguyễn Việt D – Phó Chủ tịch (Vắng mặt). Văn bản ủy quyền ngày 04/7/2017 của Chủ tịch và Ủy ban nhân dân huyện C

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành Phong – Chủ tịch (có đơn xin vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Hồ Văn N – Phó Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng huyện C (Có mặt)

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện ông Huỳnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện gửi ngày 20/9/2016, 06/10/2016 và khởi kiện bổ sung ngày 12/6/2018; Bản tự khai ngày 30/11/2016; Đơn trình bày ngày 01/9/2017 và 17/9/2018; Đơn kiến nghị ngày 18/10/2019, người khởi kiện và đại diện ủy quyền trình bày:

Nguồn gốc diện tích đất nông nghiệp (màu) 3.239m² thửa 457-1, tờ bản đồ số 6 xã Tân Thông Hội, huyện C là của vợ chồng ông Huỳnh Đ, bà Phan Thị Yến nhận chuyển nhượng theo Giấy thỏa thuận ngày 30/6/1997 với ông bà Lê Văn Kỷ, Nguyễn Thị Sánh và Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 21/10/1998 với ông Phạm Thành Lập. Quá trình sử dụng, ông Huỳnh Đ có đăng ký quyền sử dụng đất, khai báo tạm trú, tạm vắng và được Ủy ban nhân dân (gọi tắt UBND) huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 697QSDĐ/CQ ngày 14/5/2002 (gọi tắt Giấy CNQSDĐ ngày 14/5/2002).

Ngày 14/4/2003, bà Phan Thị Yến được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh Đ Thành tại phần đất nêu trên thuộc tổ 11, ấp Tiền, đường Tam Tân, xã Tân Thông Hội, huyện C với ngành nghề dệt vải.

Ngày 03/9/2008, UBND huyện C ban hành Quyết định số 12267/QĐ-UBND (gọi tắt Quyết định số 12267/QĐ-UBND) về thu hồi phần đất trên của ông Huỳnh Đ để đầu tư xây dựng sân Golf C (gọi tắt Dự án sân Golf).

Năm 2014, ông Huỳnh Đ nhận Quyết định số 12267/QĐ-UBND và Quyết định số 7616/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 (gọi tắt Quyết định số 7616/QĐ-UBND) của UBND huyện C về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại với tổng số tiền 871.392.208 đồng, bao gồm: 3.057,36m² đất nông nghiệp (trồng cây hàng năm) vị trí mặt tiền đường Tam Tân; 181,64m² đất ở mặt tiền đường Tam Tân sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến ngày 22/4/2002; nhà; vật kiến trúc; cây cối, hoa màu và đèn bù khác. Ngoài ra, được hỗ trợ thêm lãi suất ngân hàng đối với số tiền trên tính từ ngày 19/9/2008 đến ngày 23/6/2014 là 720.465.492 đồng kèm Bảng tổng hợp số

G094/BTH ngày 15/5/2014.

Ngày 22/9/2014, ông Huỳnh Đ khiếu nại và Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3995/QĐ-UBND ngày 04/6/2015 (gọi tắt Quyết định GQKN số 3995/QĐ-UBND) bác đơn khiếu nại về yêu cầu nâng giá bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và phần vật kiến trúc nhà xưởng do xây dựng năm 2002 và giữ nguyên Quyết định số 7616/QĐ-UBND.

Ngày 06/7/2016, Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3449/QĐ-UBND (gọi tắt Quyết định GQKN số 3449/QĐ-UBND) về giữ nguyên Quyết định GQKN số 3995/QĐ-UBND, bác đơn khiếu nại nâng giá bồi thường, hỗ trợ đất nông nghiệp và nhà xưởng.

Không đồng ý, ông Huỳnh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hủy các Quyết định số 12267/QĐ-UBND; số 7616/QĐ-UBND và các Quyết định GQKN số 3995/QĐ-UBND; số 3449/QĐ-UBND.

Ngày 19/4/2018, ông Huỳnh Đ nhận số tiền bồi thường nêu trên.

Bản tự khai ngày 12/01/2017; 15/5 và 24/8/2018, đại diện UBND huyện C và Chủ tịch UBND huyện C trình bày:

UBND huyện C thu hồi và bồi thường diện tích đất nêu trên của hộ ông Huỳnh Đ theo Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 27/3/2008 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh theo danh sách do Trung tâm Đo đạc bản đồ lập ngày 06/3/2008 đính kèm Bản đồ số 7136/GĐ-TNMT của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh duyệt ngày 17/3/2008 và Phương án số 09/PABT ngày 16/5/2008 của Hội đồng Bồi thường – Giải phóng mặt bằng huyện C (gọi tắt Phương án số 09/PABT).

Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đ đối với Quyết định số 12267/QĐ-UBND, số 7616/QĐ-UBND và Quyết định GQKN số 3995/QĐ-UBND vì phần đất được cấp Giấy CNQSDĐ ngày 14/5/2002 là đất nông nghiệp, riêng nhà xưởng xây dựng trên phần đất này vào năm 2003, không giấy phép xây dựng nên không được xét bồi thường, hỗ trợ vật kiến trúc.

Công văn số 3385/UBND-NCPC ngày 05/6/2017, đại diện Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình bày:

Ban hành Quyết định GQKN số 3449/QĐ-UBND là đúng pháp luật nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đ.

Bản tự khai ngày 17/5 và 17/9/2018, bà Phan Thị Yến trình bày:

Thống nhất các yêu cầu khởi kiện của chồng là ông Huỳnh Đ vì là tài sản chung tạo lập trong thời kỳ hôn nhân và xin vắng mặt các giai đoạn tố tụng tại

Tòa án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 1960/2019/HC-ST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đ hủy các quyết định như sau:

1.1 Số 12267/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc thu hồi đất bị ảnh hưởng bởi dự án đầu tư xây dựng sân Golf tại xã Tân Thông Hội, huyện C đối với ông (bà) Huỳnh Đ.

1.2 Số 7616/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư xây dựng sân Golf tại xã Tân Thông Hội, huyện C đối với ông (bà) Huỳnh Đ.

1.3 Số 3995/QĐ-UBND ngày 04/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Đ.

1.4 Số 3449/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Đ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/01/2020 người khởi kiện ông Huỳnh Đ có đơn kháng cáo với nội dung: đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; hủy Quyết định thu hồi đất số 12267/QĐ-UBND, Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 7616/QĐ-UBND ngày 23/6/2014, Quyết định giải quyết nại số 3995/QĐ-UBND ngày 04/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện C, Quyết định giải quyết khiếu nại số 3449/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên và trình bày đối với Quyết định 12267 thu hồi diện tích 3.239m² của gia đình ông Đ nhưng theo công văn của phía chủ đầu tư là thì diện tích đất bị ảnh hưởng bởi dự án sân Golf chỉ là hơn 800m², còn hơn 2.000m² thì không bị ảnh hưởng. Đồng thời, Quyết định thu hồi đất được ban hành năm 2008 nhưng đến năm 2014 thì UBND huyện C mới ban hành Quyết định 7616 chi trả tiền bồi thường nhưng vẫn áp dụng phương án bồi thường số 09 được phê duyệt năm 2008 trên cơ sở giá đất theo Quyết định 179/2006/QĐ-UBND mà không áp dụng Quyết định số 60 năm 2013 quy định về giá đất của UBND TP Hồ Chí Minh là gây thiệt hại cho hộ ông Đ và không đúng với quy định tại Điều 9 Nghị Định 197 năm 2004 của Chính Phủ vì giá đất năm 2013 là cao hơn giá đất năm

2008 và trong danh sách các hộ nhận bồi thường thì không có hộ ông Đ trong phương án bồi thường số 09. Ngoài ra tài sản là nhà xưởng trên đất của ông Đ là được xây dựng năm 2002 và hoàn thành vào năm 2003 như vậy là được xây dựng trước năm 2003 nên đủ điều kiện để được bồi thường.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện phát biểu:

Căn cứ vào bản đồ đã được phê duyệt thì toàn bộ diện tích đất của ông Đ là nằm trong ranh dự án, trong đó hơn 800m² đất bị ảnh hưởng của dự án sân Golf, phần diện tích còn lại là để làm đường giao thông nội bộ của dự án khu kinh tế Tây Bắc, đã được giao cho ban quản lý khu kinh tế quản lý theo Quyết định của UBND Thành phố. Về tài sản trên đất bị thu hồi khi UBND huyện C có căn cứ xác định hộ ông Đ xây dựng sau năm 2002 nên không được bồi thường mà chỉ được hỗ trợ. Còn về giá đất bồi thường thì phương án bồi thường được lập và được phê duyệt năm 2008, đã được thẩm định và tính trượt giá là 141.000 đồng/m² là vẫn cao hơn so với giá đất năm 2013 theo Quyết định số 60 của UBND TP Hồ Chí Minh là 130.000 đồng/m². Không thể căn cứ vào giá đất 130.000 đồng/m² này để làm căn cứ tính phương án bồi thường mới.

UBND huyện C đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật đất đai về việc thu hồi đất cũng như bồi thường cho hộ ông Đ, đảm bảo quyền lợi của ông Đ, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đ, giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung:

Căn cứ vào bản đồ đã được phê duyệt thì toàn bộ phần đất của ông Đ là nằm trong ranh dự án, do đó ông Đ cho rằng phần đất của ông chỉ bị ảnh hưởng của dự án sân Golf là hơn 800m² là không có căn cứ. Vì vậy Quyết định thu hồi đất số 12267 của UBND huyện C là có căn cứ.

Về giá đất để làm căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ: Phương án số 09 được lập năm 2008 và căn cứ theo Quyết định số 179/2006/QĐ-UBND ngày 22/12/2006 quy định về giá các loại đất trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh nhưng đến năm 2014 thì UBND huyện C mới ban hành Quyết định 7616 chi trả tiền bồi thường cho ông Đ, tại thời điểm này thì giá đất tại Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉ

bởi Quyết định số 60 ngày 26/12/2013 khi nhà nước thu hồi đất. Căn cứ theo giá đất của Quyết định số 60 thì cao hơn giá đất năm 2008, vì vậy căn cứ vào Điều 9 của Nghị Định 197 thì phải áp dụng giá đất của Quyết định 60 để làm căn cứ tính bồi thường, hỗ trợ cho ông Đ. Do đó, kháng cáo về phần này của ông Đ là có căn cứ.

Về tài sản trên đất: Các chứng cứ đều thể hiện nhà xưởng của hộ ông Đ được xây dựng năm 2003, vì vậy không đủ điều kiện để bồi thường.

Từ những căn cứ trên, đề nghị HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ, sửa án sơ thẩm hủy một phần Quyết định 7616 của UBND huyện C liên quan đến phần giá đất bồi thường và hủy một phần Quyết định 3995 của Chủ tịch UBND huyện C, hủy một phần Quyết định 3449 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến phần giá đất để tính bồi thường, hỗ trợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của ông Huỳnh Đ đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định, nên kháng cáo của ông Đ được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền ban hành các Quyết định thu hồi đất số 12267/QĐ-UBND ngày 03/9/2008, Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 7616/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C, Quyết định giải quyết nại số 3995/QĐ-UBND ngày 04/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện C, Quyết định giải quyết khiếu nại số 3449/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, xét thấy như sau:

[2.1] Để thực hiện dự án sân Golf tại huyện C, ngày 27/3/2008 UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 1336/QĐ-UBND thu hồi 608.562,4m² đất gồm các thửa đất do tổ chức, hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng tại xã Tân Thông Hội, huyện C. Ngày 03/9/2008 UBND huyện C ban hành Quyết định số 12267/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 3.239m² đất của ông Huỳnh Đ, cư trú tại 36/31 Nguyễn Bá Tòng, Phường 11, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, thuộc thửa 457-1; tờ bản đồ số 6 (theo tài liệu 02/CT); loại đất nông nghiệp: màu; tại xã Tân Thông Hội. Trên cơ sở Quyết định 12267/QĐ-UBND nêu trên, ngày 23/6/2014 Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định số 7616/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất đối với ông Huỳnh Đ, với tổng số tiền 1.591.857.700 đồng. Không đồng ý với việc chiết tính bồi thường, hỗ trợ thiệt hại của quyết định 7616/QĐ-UBND nên ngày

22/9/2014 ông Đ có đơn khiếu nại Quyết định 7616/QĐ-UBND, đến ngày 04/6/2015 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3995/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Đ với nội dung bác đơn khiếu nại của ông Đ, giữ nguyên Quyết định 7616/QĐ-UBND. Không đồng ý với Quyết định 3995/QĐ-UBND nên ông Đ tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06/7/2016 Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3449/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Đ với nội dung: Công nhận và giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 3995/QĐ-UBND ngày 04/6/2015 của Chủ tịch UBND huyện C.

[2.2] Như vậy, Căn cứ vào các Điều 38, 40 và 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009 thì UBND huyện C ban hành Quyết định thu hồi đất số 12267/QĐ-UBND ngày 03/9/2008 và Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 7616/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 là đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền. Căn cứ vào các Điều 18, 21, 29, 30, 31, 36, 39, 40 Luật khiếu nại năm 2011 thì Chủ tịch UBND huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 3995/QĐ-UBND và Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 3449/QĐ-UBND là đúng trình tự, thẩm quyền.

[2.3] Tuy nhiên về thời hạn ban hành các quyết định là chưa đúng quy định của pháp luật, cụ thể: Ngày 03/9/2008 UBND huyện C ban hành Quyết định số 12267/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 3.239m² đất của ông Huỳnh Đ, nhưng đến ngày 23/6/2014 (gần 6 năm) thì UBND huyện C mới ban hành Quyết định số 7616/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông Đ là vi phạm điểm c khoản 2 Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009. Ngày 22/9/2014 ông Đ có đơn khiếu nại Quyết định 7616/QĐ-UBND, đến ngày 04/6/2015 (gần 01 năm) Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 3995/QĐ-UBND giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Đ. Ông Huỳnh Đ tiếp tục khiếu nại quyết định 3995/QĐ-UBND, đến ngày 06/7/2016 Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quyết định số 3449/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại của ông Đ. Như vậy, Chủ tịch UBND huyện C và Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại được quy định tại các Điều 28, 37 Luật khiếu nại năm 2011.

[3] Về nội dung các Quyết định thu hồi đất số 12267/QĐ-UBND ngày 03/9/2008, Quyết định bồi thường, hỗ trợ số 7616/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C, Quyết định giải quyết nại số 3995/QĐ-UBND ngày 04/6/2016 của Chủ tịch UBND huyện C, Quyết định giải quyết khiếu nại số 3449/QĐ-UBND ngày 23/6/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh.

[3.1] Căn cứ vào bản đồ hiện trạng vị trí khu đất bị thu hồi số 94732/HĐĐDBĐ do Trung tâm đo đạc bản đồ (Sở Tài nguyên và Môi trường) lập ngày 24/7/2007 thể hiện 02 loại ranh: Ranh thu hồi đất vẽ nét liền; Ranh dự kiến giao đất cho chủ đầu tư có nét đứt. Phần diện tích đất 3.239m² của ông Huỳnh Đ là thuộc thửa số 457-1 tờ bản đồ số 06 theo tài liệu 02/CT-UB (theo tài liệu đo đạc năm 2003 thuộc thửa 387, tờ bản đồ số 63) bộ địa chính xã Tân Thông Hội, huyện C thì phần diện tích đất này nằm trọn trong ranh thu hồi đất của dự án sân Golf. Do đó, UBND huyện C ban hành Quyết định số 12267/QĐ-UBND có nội dung thu hồi diện tích đất 3.239m² của ông Huỳnh Đ là có căn cứ.

[3.2] Phần diện tích đất 3.239m² của ông Huỳnh Đ bị thu hồi là thuộc thửa số 457-1 tờ bản đồ số 06 theo tài liệu 02/CT-UB đã được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 697/QSDĐ/CQ ngày 14/5/2002 có mục đích sử dụng là đất màu. Về nhà xưởng trên đất bị thu hồi thì căn cứ vào lời trình bày của bà Nguyễn Thị M xác định ông Đ xây dựng nhà xưởng vào năm 2003, Đơn xin xác nhận của ông Huỳnh Đ ký ngày 01/9/2003; Biên bản xác minh ngày 07/01/2006, Biên bản họp xét các trường hợp bao chiếm đất công và liên quan đến khu qui hoạch sân Golf ngày 12/02/2009 và Biên bản xác minh thời điểm xây dựng nhà xưởng ngày 06/12/2010 của UBND xã Tân Thông Hội, huyện C đều thể hiện nội dung ông Đ xây dựng nhà xưởng vào năm 2003. Do đó, UBND huyện C ban hành Quyết định số 7616/QĐ-UBND về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho ông Đ chỉ bồi thường về nhà đất, bao gồm: 3.057,36m² đất nông nghiệp (trồng cây hàng năm) vị trí mặt tiền đường Tam Tân; 181,64m² đất ở mặt tiền đường Tam Tân sử dụng từ ngày 15/10/1993 đến ngày 22/4/2002; nhà; vật kiến trúc; cây cối, hoa màu và đèn bù khác. Không bồi thường về nhà xưởng là có căn cứ bởi lẽ: Phần nhà xưởng của ông Đ xây dựng trên đất nông nghiệp sau ngày 22/4/2002, không chuyển mục đích sử dụng đất theo pháp luật qui định và không có giấy phép nên UBND huyện C không bồi thường, hỗ trợ phần vật kiến trúc nhà xưởng bị ảnh hưởng bởi dự án sân Golf.

[3.3] Đối với nội dung Quyết định số 7616/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất cho ông Đ áp dụng giá đất theo Quyết định 179/2006/QĐ-UBND ngày 22/12/2006 để làm căn cứ lập phương án bồi thường số 09/PABT ngày 16/5/2008 từ đó bồi thường cho ông Đ tổng số tiền 871.392.208 đồng và hỗ trợ thêm lãi suất ngân hàng đối với số tiền trên tính từ ngày 19/9/2008 đến ngày 23/6/2014 là 720.465.492 đồng. Xét nội dung nêu trên là không phù hợp với quy định tại Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính Phủ, bởi lẽ: Ngày 03/9/2008 UBND huyện C ban hành Quyết định số 12267/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất 3.239m² đất của ông Huỳnh Đ, nhưng đến ngày 23/6/2014 (gần 6

năm) UBND huyện C mới ban hành Quyết định số 7616/QĐ-UBND bồi thường, hỗ trợ cho ông Đ thì căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 9 của Nghị định số 197/2004/NĐ-CP nêu trên quy định “Bồi thường chậm do cơ quan tổ chức có trách nhiệm bồi thường gây ra mà giá đất tại thời điểm bồi thường do UBND cấp tỉnh công bố cao hơn giá đất tại thời điểm có quyết định thu hồi thì bồi thường theo giá đất tại thời điểm trả bồi thường ...”, như vậy, UBND huyện C phải căn cứ vào giá đất theo Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh để làm căn cứ tính bồi thường cho ông Đ vì giá đất theo quyết định số 60 nêu trên là cao hơn giá đất của quyết định 179/2006/QĐ-UBND ngày 22/12/2006 của UBND Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể: Theo Quyết định số 179/2006/QĐ-UBND thì đất của ông Đ có giá 84.000 đồng/m², còn theo Quyết định số 60/2013/QĐ-UBND thì đất của ông Đ có giá 130.000 đồng/m².

[4] Xét Quyết định số 7616/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất được ban hành chưa đúng thời hạn và về nội dung như trên là chưa đúng pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Huỳnh Đ do đó Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ, hủy Quyết định số 7616/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C.

[5] Do Quyết định số 7616/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C không đúng pháp luật nên Quyết định giải quyết khiếu nại số 3995/QĐ-UBND ngày 4/6/2015 của Chủ tịch UBND huyện C và Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 3995/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ban hành với nội dung không chấp nhận nội dung khiếu nại của ông Đ là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử hủy cả hai Quyết định giải quyết khiếu nại này.

[6] Về án phí : Do sửa án sơ thẩm nên án phí hành chính sơ thẩm được tính lại như sau: Ông Huỳnh Đ không phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm. UBND huyện C, Chủ tịch UBND huyện C và Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm theo quy định.

Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên ông Đ không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của ông Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm hủy một phần Quyết định số 7616/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của UBND huyện C và hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại số 3995/QĐ-UBND ngày 4/6/2015 của Chủ tịch UBND huyện C, hủy một phần Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số

3995/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Căn cứ vào các Điều 38, 40 và 44 Luật đất đai năm 2003; Điều 31 Nghị định 69/2009/NĐ-CP ngày 13-8-2009; Điều 9 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004. Các Điều 18, 21, 29, 30, 31, 36, 39, 40 Luật khiếu nại năm 2011.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Huỳnh Đ, sửa một phần bản án sơ thẩm số 1960/2019/HC-ST ngày 30/12/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đ.

- Hủy Quyết định Số 7616/QĐ-UBND ngày 23/6/2014 của Ủy ban nhân dân huyện C về việc bồi thường, hỗ trợ thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất trong dự án đầu tư xây dựng sân Golf tại xã Tân Thông Hội, huyện C đối với ông (bà) Huỳnh Đ.

- Hủy Quyết định Số 3995/QĐ-UBND ngày 04/6/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện C về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Huỳnh Đ.

- Hủy Quyết định Số 3449/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết khiếu nại của ông Huỳnh Đ.

2. Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Huỳnh Đ không phải chịu. Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả cho ông Đ 200.000 đồng tạm ứng án phí ông Đ đã nộp tại Biên lai thu số 031468 ngày 31/10/2016.

- UBND huyện C phải chịu 300.000 đồng. Chủ tịch UBND huyện C phải chịu 300.000 đồng. Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Huỳnh Đ không phải chịu. Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh hoàn trả cho ông Đ 300.000 đồng tiền

tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Đ đã nộp theo phiếu thu số AA/2019/0045534 ngày 15/01/2020.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKS nhân dân cấp cao tại Tp.HCM ;
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh